TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

ĐƠN VỊ KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: KẾ TOÁN

Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 1
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 1
2.1.Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội 1
2.1.1 Tầm nhìn 1
2.1.2.Sứ mạng 1
2.1.3.Mục tiêu chiến lược 2
2.2.Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Khoa kế toán – Kiểm toán 3
2.2.1.Tầm nhìn 3
2.2.2.Sứ mạng 3
2.2.3.Chiến lược phát triển 3
2.3.Mục tiêu của chương trình 4
2.3.1.Mục tiêu chung 4
2.3.2.Mục tiêu cụ thể 4
3. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP 5
3.1 Thông tin tuyển sinh 5
3.2.Quy trình đào tạo 6
3.3 Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp 6
4. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY 6
4.1 Đội ngũ giảng viên 6
4.2 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy 7
5. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP 8
5.1.Chuẩn bị của giảng viên 8
5.2.Các phương pháp/chiến lược dạy học 8
5.3.Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học 9
6. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ 9
6.1.Quy trình đánh giá 9
6.2.Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá 10
7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 10
7.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa 10
7.2.Nội dung chương trình 10
7.3.Kế hoạch đào tạo 12
7.4 Mô tả tóm tắt nội dung học phần 14
7.4 1 Học phần Lý thuyết kế toán 14
7.4.2 Học phần Đề án trong nghiên cứu kế toán, kiểm toán 14
7.4.3 Học phần Hệ thống thông tin kế toán 14
7.4.4 Học phần Kế toán và định giá doanh nghiệp 14
7.4.5 Học phần Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế 14
7.4.6 Học phần Kế toán tài chính 1 15

7.4.7 Học phần Kế toán quản trị 15
7.4 .8 Học phần Kiểm toán 15
7.4.9 Học phần Phân tích báo cáo tài chính 15
7.4.10 Học phần Kế toán tài chính 2 16
7.4 .11 Học phần Kiểm soát nội bộ 16
7.4.12 Học phần Kế toán thuế 16
7.4.13 Học phần Kế toán công 16
7.4.14 Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học 16
7.4.15 Học phần Kinh tế học ứng dụng 17
7.4.16 Học phần Quản trị dự án 17
7.4.17 Học phần Quản trị tài chính doanh nghiệp 17
7.4.18 Học phần Quản lý tài chính công 17
7.4.19 Học phần Quản trị doanh nghiệp 17
7.4.20 Học phần Triết học 17
7.4.21 Học phần Pháp luật về kinh doanh 18
7.4.22 Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin 18
7.4.23 Học phần Thực tập tốt nghiệp 18
7.4.24 Học phần Đề án tốt nghiệp 18
8. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 18

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do –Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình: Đào tạo trình độ Thạc sĩ
Năm ban hành:2021

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (tiếng Việt):	**Thạc sĩ Kế toán**
Tên chương trình (tiếng Anh):	**Master in Accounting**
Mã ngành:	**8340301**
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	**Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	**Thạc sĩ Kế toán**
Trình độ đào tạo:	**Thạc sĩ**
Thời gian đào tạo:	**1,5 năm/ 2,0 năm năm đối với VHVL**
Đơn vị giảng dạy:	**Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**
Đơn vị quản lý CTĐT:	**Khoa Kế toán – Kiểm toán**

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa kế toán – Kiểm toán, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1.Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

2.1.1 Tầm nhìn

Trở thành đại học đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng đa năng, phát triển theo mô hình đại học thông minh; đạt chuẩn quốc tế trong một số lĩnh vực then chốt; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, cộng đồng và doanh nghiệp.

2.1.2.Sứ mạng

Đào tạo nhân lực chất lượng cao; sáng tạo và chuyển giao tri thức, công nghệ tới xã hội và cộng đồng đáp ứng yêu cầu thời kỳ cách mạng công nghiệp, phục vụ xã hội và đất nước.

2.1.3.Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chung:

Trở thành đại học khoa học ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, đi đầu trong xu thế chuyển đổi số và quản trị thông minh. Sản phẩm giáo dục đào tạo nằm trong tốp đầu Việt Nam về khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, được ghi nhận về năng lực sáng tạo và khởi nghiệp; Sản phẩm khoa học công nghệ được công nhận và ứng dụng rộng rãi trong nước, một số lĩnh vực đạt tầm khu vực và quốc tế;

Mục tiêu cụ thể từng lĩnh vực:

a. Đào tạo

Phát triển và vận hành các CTĐT đạt chuẩn quốc gia và quốc tế. Mở mới các chương trình đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Đổi mới phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng công nghệ giáo dục mới; Hình thành môi trường học tập mở, sáng tạo và trải nghiệm.

b. Khoa học công nghệ

Đổi mới nghiên cứu và sáng tạo theo hướng hội nhập và đa dạng các loại hình, lĩnh vực khoa học công nghệ; Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Triển khai có hiệu quả các hoạt động sở hữu trí tuệ và bảo hộ kết quả nghiên cứu. Gắn nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ và nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Nâng tỉ lệ doanh thu từ các hoạt động khoa học công nghệ trong tổng doanh thu toàn trường.

c. Hợp tác phát triển

Thiết lập mối quan hệ đa dạng, cùng có lợi với các trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật quốc tế và tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm đào tạo và nghiên cứu. Khai thác có hiệu quả các nguồn lực thông qua các hoạt động hợp tác cùng phát triển.

d. Người học và kết nối cộng đồng

Phát triển năng lực toàn diện của người học thông qua việc hình thành môi trường học tập, sinh hoạt, rèn luyện mang tính mở, năng động và sáng tạo. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học. Mở rộng mạng lưới, khai thác có hiệu quả đóng góp từ đội ngũ cựu người học. Nâng cao vị thế và uy tín, ảnh hưởng của nhà trường qua các hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng.

e. Tài chính – cơ sở vật chất

Xây dựng hệ thống tài chính vững mạnh đảm bảo sự phát triển bền vững và tự chủ của nhà trường với nguồn thu đa dạng và ổn định; Khai thác và sử dụng nguồn tài chính hợp lý, hiệu quả. Hình thành cơ sở hạ tầng và môi trường giáo dục hiện đại, sáng tạo phù hợp với hệ sinh thái đại học thông minh; Đầu tư và khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;

f. Quản trị nhà trường và nguồn nhân lực

Xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với cơ chế tự chủ toàn diện và mô hình đại học hiện đại; Thiết lập và vận hành hệ thống quản trị nhà trường tiên tiến đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; Phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng đáp ứng các yêu cầu. Hình thành đội ngũ giảng viên, chuyên gia làm chủ và bước đầu ở vị thế dẫn dắt trong một số lĩnh vực công nghệ hiện đại, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường quốc tế.

g. Đảm bảo chất lượng và chuyển đổi số

Nhà trường và các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định quốc gia và quốc tế, từng bước nâng cao vị trí trong các bảng xếp hạng đại học; Hoàn thiện hệ thống Đại học điện tử, từng bước hình hành hệ thống Đại học thông minh.

h. Văn hóa và Thương hiệu

Phát triển văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội trên cơ sở phát huy truyền thống, tiếp thu, sáng tạo các giá trị văn hóa trong quá trình hội nhập. Nâng cao khả năng nhận diện thương hiệu và các sản phẩm của nhà trường đối với cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động truyền thông hiện đại.

2.2.Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Khoa kế toán – Kiểm toán

2.2.1.Tầm nhìn

Trở thành một trung tâm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực hàng đầu trong lĩnh vực Kế toán, Kế toán, Phân tích kinh doanh của Việt Nam, ngang tầm với các trường Đại học uy tín trong nước theo định hướng ứng dụng.

2.2.2.Sứ mạng

Cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đầy đủ kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện được công tác nghiệp vụ, quản lý kinh doanh, tư vấn, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán, phân tích kinh doanh

2.2.3.Chiến lược phát triển

- Dạy và học theo phương pháp tích cực;
- Phát triển chương trình đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia, tiến tới theo chuẩn quốc tế theo hướng nghề nghiệp;
- Đánh giá và phát triển các hoạt động đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia, tiến tới theo chuẩn quốc tế;
- Chuẩn hóa giáo trình giảng dạy;
- Không ngừng nâng cao năng lực giảng viên và cán bộ quản lý;
- Xây dựng môi trường học tập, giảng dạy và NCKH tốt cho giảng viên và sinh viên;
- Đẩy mạnh hoạt động NCKH theo hướng ứng dụng thực tiễn sản xuất;

- Gắn kết hoạt động đào tạo với thực tế sản xuất tại doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh tham gia các tổ chức nghề nghiệp trong nước như VACPA và tổ chức nghề nghiệp Quốc tế như ACCA, ICAEW và các doanh nghiệp Công nghệ;

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng dạy, tăng tỷ lệ học phần tổ chức dạy kết hợp, giảng trực tuyến.

2.3.Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo ngành thạc sĩ Kế toán được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1.Mục tiêu chung

Đào tạo học viên có trình độ thạc sĩ ngành kế toán có kiến thức chuyên môn vững vàng, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành kế toán - kiểm toán, tài chính.

2.3.2.Mục tiêu cụ thể

+ Kiến thức:

- Trang bị cho người học những kiến thức phục vụ cho việc tổng hợp, phân tích, luận giải các vấn đề liên quan đến hệ thống kế toán - kiểm toán, tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

- Cung cấp cho người học những kiến thức, phương pháp và công cụ để hiểu biết sâu về kế toán quản trị, kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp;

- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản phục vụ cho công tác hoạch định và quản trị tài chính của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội khác.

+ Kỹ năng:

- Kỹ năng tổng hợp, phân tích, hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách và quyết định về kế toán và kiểm toán; Kỹ năng quản trị, đặc biệt là quản trị rủi ro trong các doanh nghiệp; Kỹ năng phân tích, đánh giá tình hình tài chính chung cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp; Có khả năng tư duy hệ thống, phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo;

- Kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo và chịu được áp lực công việc; Kỹ năng thuyết trình, quản lý và lãnh đạo nhóm.

+ Thái độ:

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân như bản lĩnh, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, linh hoạt, sáng tạo;

- Có phẩm chất đạo đức nghệ nghiệp như đam mê nghiên cứu khám phá kiến thức mới, có trách nhiệm trong công việc và với cộng đồng;

- Có phẩm chất đạo đức xã hội như tôn trọng luật pháp, có tinh thần kỷ luật, có lối sống trong sáng, lành mạnh.

+ Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng, thích nghi và tư vấn phù hợp với môi trường nghề nghiệp thay đổi

- Đánh giá và tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, phân tích;

- Đánh giá và phản biện thông tin kế toán khoa học, tiên tiến để đưa ra giải pháp hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tiễn;

- Tự định hướng và thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi;

- Thực hiện tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, phân tích.

+ Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

- Chuyên gia hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các hoạt động liên quan tới lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, công ty, các tổ chức kinh tế-xã hội từ trung ương tới địa phương;

- Chuyên viên cao cấp về phân tích, quản trị tài chính và kiểm soát nội bộ của các các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế;

- Nghiên cứu viên và giảng viên về kế toán-kiểm toán, tài chính, tại các viện nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng;

- Các nhà quản lý tại cơ quan quản lý nhà nước hay giám đốc tài chính tại các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế.

+ Trình độ Ngoại ngữ:

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

3.1 Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh:

Theo quy chế tuyển sinh thạc sĩ của Bộ GD&ĐT, quy chế tuyển sinh thạc sĩ của trường ĐHCNHN cập nhật tại ***https://cps.haui.edu.vn/vn.***

- Đối tượng tuyển sinh:

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Phương thức tuyển sinh:

Phương thức tuyển sinh cho từng năm tuyển sinh do Trường quyết định, bao gồm xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

3.2.Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để học viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng gồm 60 tín chỉ đối với người có trình độ thuộc ngành phù hợp.

- Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo.

- Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ, đối với hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm (18 tháng) tính từ thời điểm công nhận học viên, gồm 03 học kỳ; đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,0 năm (24 tháng) tính từ thời điểm công nhận học viên, gồm 04 học kỳ.

- Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học được quy định trong Quy chế này và không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

3.3 Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp như sau:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục & Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Nhà trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

4.1 Đội ngũ giảng viên

Khoa kế toán – Kiểm toán bao gồm 4 bộ môn: Bộ môn Kế toán công, Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Bộ môn Kiểm toán, Bộ môn Kế toán doanh nghiệp. Năm 2022 Khoa Kế toán - kiểm toán có 55 giảng viên, trong đó trình độ học vị, chức danh

cụ thể như sau: có 2 Phó giáo sư, chiếm 3,64%; 19 Tiến sĩ chiếm 34,55%; 33 Thạc sĩ chiếm 60% và 1 Đại học chiếm 1,82%. Trình độ giảng viên của khoa KT-KT như sau:

Bảng 1: Thống kê đội ngũ giảng viên của Khoa kế toán - kiểm toán năm 2021

Stt	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30 – 40	41– 50	51 – 60	>60
1	Giáo sư/Phó giáo sư	2	3,64 %	1	1	0	0	2	0	0
2	Tiến Sĩ	19	34,55 %	2	17	1	12	6	0	0
3	Thạc sĩ	33	60,00 %	1	32	0	27	6	0	0
4	Đại học	1	1,82 %		1	0	0	0	1	0
Tổng số		**55**	**100**	**4**	**51**	**1**	**39**	**14**	**1**	**0**

4.2 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Khoa Kế toán-Kế toán hiện tại đang quản lý 08 phòng thí nghiệm chuyên ngành phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Các phòng thí nghiệm và thiết bị được phân công quản lý bởi các Bộ môn Kế toán; Bộ môn Kế toán doanh nghiệp; Bộ môn Kế toán công và Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán.

Bảng 2: Thống kê phòng thí nghiệm chuyên ngành

TT	Tên phòng thí nghiệm	Vị trí
1	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 1	205/B3
2	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 2	206/B3
3	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 3	207/B3
4	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 4	305/B3
5	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 5	306/B3
6	Phòng thực hành Kế toán, Kế toán 6	307/B3
7	Phòng Hội thảo	Tầng 3 trung tâm thông tin thư viện khu B
8	Phòng sinh hoạt chuyên môn, học thuật	106/B3

Các phòng thí nghiệm chuyên ngành được đầu tư các thiết bị và mô hình hiện đại, gắn với thực tế ngoài doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu đào tạo ngành đào tạo thạc sĩ Kế toán.

5. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa kế toán – kiểm toán tiếp cận dựa trên mục tiêu đào tạo. Căn cứ từ mục tiêu đào tạo xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến.

5.1.Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành thạc sĩ kế toán cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin học phần mà mình đang giảng dạy (học phần có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc hay tự chọn);

- Nắm rõ hình thức, phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);

- Hiểu rõ lớp học phần (Danh sách học viên, lớp, khóa đào tạo);

- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

5.2.Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Các phương pháp dạy học được sử dụng chủ yếu: Thuyết giảng, Câu hỏi gợi ý, Trình diễn mẫu, Giải quyết vấn đề, Nghiên cứu tình huống, Xây dựng ý tưởng, Tranh luận; Thảo luận, Giải quyết vấn đề, Động não, Kế hoạch cá nhân, Kế hoạch nghiên cứu.

- Các chiến lược dạy học được sử dụng chủ yếu: Giảng dạy trực tiếp; Giảng dạy gián tiếp; Giảng dạy tương tác; Học tập độc lập.

- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 3.

Bảng 3: Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của Học viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Câu hỏi gợi ý, Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Học viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, đề án tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

5.3.Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 1 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;
- Có nhiều hình thức hỗ trợ học viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng ở vị trí làm việc ngành Thạc sĩ kế toán;
- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của học viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

6. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

6.1.Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá học viên dựa trên mục tiêu giảng dạy của chương trình đào tạo và mục tiêu giảng dạy của học phần. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá học viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát học viên về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao

gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống.

6.2.Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các học phần từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức chung, cơ sở, chuyên ngành và tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các học phần, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc.

7.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy 60 tín chỉ

Bảng 4: Khối lượng giảng dạy toàn khoá

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ				Tỷ lệ (%)
		LT	TH/TN	Thảo luận	TT/ ĐA	
Kiến thức Giáo dục đại cương	3	2	1	0	0	5
Kiến thức Cơ sở ngành	21	17	4	0	0	35
Kiến thức Chuyên ngành	18	18	0	0	0	30
Kiến thức Tốt nghiệp	18	0	0	0	18	30
Tổng cộng	**60**	**37**	**5**	**0**	**18**	**100**

7.2.Nội dung chương trình

Bảng 5: Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần			
				LT	TH/TN	Thảo luận	TT/ ĐA
1		**Phần 1-Kiến thức chung**					
1	7101	Triết học	3	2	1	0	0
2		**Phần 2-Kiến thức cơ sở ngành**					
2.1		***Bắt buộc***	**8**	**7**	**1**	**0**	**0**

1	7109	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	0	0
2	7104	Kinh tế học ứng dụng	3	3	0	0	0
3	7114	Lý thuyết kế toán	3	3	0	0	0
2.2		***Tự chọn***					
2.2.1	***Nhóm cơ sở tự chọn A*** *(chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)*		***2***	***1***	***1***	0	0
1	7103	Kinh tế chính trị	2	1	1	0	0
2	7102	Đề án nghiên cứu trong kế toán, kiểm toán	2	1	1	0	0
2.2.2	***Nhóm cơ sở tự chọn B*** *(chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)*		***3***	***3***	***0***	0	0
1	7103	Hệ thống thông tin kế toán	3	3	0	0	0
2	7125	Quản trị doanh nghiệp	3	3	0	0	0
2.2.3	***Nhóm cơ sở tự chọn C*** *(chọn 3 tín chỉ trong các học phần sau)*		***3***	***2***	***1***	0	0
1	7115	Quản trị dự án	3	2	1	0	0
2	7105	Kế toán định giá doanh nghiệp	3	2	1	0	0
2.2.4	***Nhóm cơ sở tự chọn D*** *(chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)*		***3***	***2***	***1***	0	0
1	7118	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	2	1	0	0
2	7124	Quản lý tài chính công	3	2	1	0	0
2.2.5	***Nhóm cơ sở tự chọn E*** *(chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)*		***2***	***2***	***0***	0	0
1	7101	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	2	2	0	0	0
2	7102	Pháp luật về kinh doanh	2	2	0	0	0
3		**Phần 3-Kiến thức chuyên ngành**	**18**	**18**	**0**	0	0
3.1		***Bắt buộc***	**12**	**12**	**0**	0	0
1	7107	Kế toán tài chính 1	3	3	0	0	0
2	7106	Kế toán quản trị	3	3	0	0	0
3	7111	Kiểm toán	3	3	0	0	0
4	7115	Phân tích báo cáo tài chính	3	3	0	0	0
3.2		***Tự chọn***	**6**	**6**	**0**	0	0
3.2.1	***Nhóm chuyên ngành tự chọn A*** *(chọn*		***3***	***3***	***0***	0	0

	3 tín chỉ trong các học phần sau)						
1	7108	Kế toán tài chính 2	*3*	*3*	0	0	0
2	7110	Kiểm soát nội bộ	*3*	*3*	0	0	0
3.2.2	***Nhóm chuyên ngành tự chọn B** (chọn 3 tín chỉ trong các học phần sau)*		*3*	*3*	***0***	0	0
1	7109	Kế toán thuế	3	3	0	0	0
2	7104	Kế toán công	3	3	0	0	0
4	7112	**Phần 4-Thực tập**	9	0	9	0	0
5	7113	**Phần 5-Đề án tốt nghiệp**	9	0	9	0	0
		Tổng	**60**	**36**	**24**	0	0

7.3.Kế hoạch đào tạo

Bảng 6: Kế hoạch đào tạo toàn khóa

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
I	**PHẦN KIẾN THỨC CHUNG**			**3**				
1	LP	7101	Triết học	3	X			
2	FL	7101	Tiếng Anh *					
II	**PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ**			**18**				
2.1	**Các học phần cơ sở bắt buộc**			**8**				
1	BM	7109	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	X			
2	BM	7104	Kinh tế học ứng dụng	3	X			
3	AA	7114	Lý thuyết kế toán	3	X			
2.2	**Các học phần cơ sở tự chọn** (chọn 11 tín chỉ trong các học phần sau)			**13**				
2.2.1	***Nhóm cơ sở tự chọn A** (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)*			*2*				
1	LP	7112	Kinh tế chính trị	2			X	
2	AA	7102	Đề án nghiên cứu trong kế toán, kiểm toán	2			X	
2.2.2	***Nhóm cơ sở tự chọn B** (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)*			*3*				
1	AA	7103	Hệ thống thông tin kế toán	3	X			
2	BM	7117	Quản trị doanh nghiệp	3	X			
2.2.3	***Nhóm cơ sở tự chọn C** (chọn 3 tín chỉ trong các học phần sau)*			*3*				

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
1	BM	7115	Quản trị dự án	3		X		
2	AA	7105	Kế toán định giá doanh nghiệp	3		X		
2.2.4	*Nhóm cơ sở tự chọn D (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)*			*3*				
1	BM	7118	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	X			
2	BM	7124	Quản lý tài chính công	3	X			
2.2.5	*Nhóm cơ sở tự chọn E (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)*			*2*				
1	AA	7101	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	2		X		
2	LP	7102	Pháp luật về kinh doanh	2		X		
III	**PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**			**18**				
3.1	**Các học phần chuyên ngành bắt buộc**			**12**				
1	AA	7107	Kế toán tài chính 1	3		X		
2	AA	7106	Kế toán quản trị	3		X		
3	AA	7111	Kiểm toán	3			X	
4	AA	7115	Phân tích báo cáo tài chính	3		X		
3.2	**Các học phần chuyên ngành tự chọn** (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)			**6**				
3.2.1	*Nhóm chuyên ngành tự chọn A (chọn 3 tín chỉ trong các học phần sau)*			*3*				
1	AA	7108	Kế toán tài chính 2	3			X	
2	AA	7110	Kiểm soát nội bộ	3			X	
3.2.2	*Nhóm chuyên ngành tự chọn B (chọn 3 tín chỉ trong các học phần sau)*			*3*				
1	AA	7109	Kế toán thuế	3			X	
2	AA	7104	Kế toán công	3			X	
IV	**PHẦN THỰC TẬP VÀ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP**			**18**				
1	AA	7112	Thực tập	9				X
2	AA	7113	Đề án tốt nghiệp	9				X
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				**60**	**15**	**15**	**12**	**18**

7.4 Mô tả tóm tắt nội dung học phần

7.4 1 Học phần Lý thuyết kế toán

Học phần Lý thuyết kế toán thuộc khối kiến thức chuyên ngành cung cấp những kiến thức cơ bản của lý thuyết kế toán bao gồm sự hình thành và phát triển của lý thuyết kế toán, các lý thuyết kế toán cơ bản, nội dung của lý thuyết kế toán như khuôn mẫu lý thuyết kế toán về các nội dung cơ bản và các yếu tố của báo cáo tài chính. Ngoài ra, học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về hệ thống định giá trong kế toán, quá trình hoà hợp, hội tụ của kế toán các quốc gia trên thế giới.

7.4.2 Học phần Đề án trong nghiên cứu kế toán, kiểm toán

Học phần Đề án trong nghiên cứu kế toán, kiểm toán trang bị cho học viên những kiến thức mở rộng và chuyên sâu các lý thuyết nền tảng trong nghiên cứu kế toán, đồng thời nghiên cứu một số mô hình nghiên cứu thực tế đã được thực hiện như chất lượng thông tin kế toán, công bố thông tin kế toán, cấu trúc vốn và hiệu quả kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng kế toán, quản trị chi phí, quản trị lợi nhuận,...

7.4.3 Học phần Hệ thống thông tin kế toán

Học phần cung cấp các kiến thức chuyên ngành nâng cao về hệ thống thông tin kế toán: Hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện công nghệ và ảnh hưởng của công nghệ thông tin đến AIS; mô hình hóa dữ liệu cho hệ thống thông tin kế toán; tổ chức và xử lý dữ liệu theo mô hình REA; tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp theo các chu trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp đáp ứng yêu các cầu ngày càng cao và đa dạng của các thành phần kinh tế.

7.4.4 Học phần Kế toán và định giá doanh nghiệp

Học phần kế toán định giá doanh nghiệp cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về đo lường trong kế toán và định giá doanh nghiệp, các phương pháp định giá doanh nghiệp và kế toán định giá doanh nghiệp trong trường hợp hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp. Ngoài ra học phần còn cung cấp một số kiến thức cơ bản về cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp trong thị trường vốn, quy trình kế toán định giá doanh nghiệp và các mô hình định giá trong kế toán.

7.4.5 Học phần Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức liên quan đến sự hình thành và phát triển hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Trong đó đi sâu trang bị cho sinh viên kiến thức về về các công cụ tài chính trong doanh nghiệp; hướng dẫn cách lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế; cách chuyển đổi báo cáo tài chính do sự khác biệt về đơn vị tiền tệ. Kết hợp với những kiến thức đã được trang bị ở các học phần kế toán toán chính, học phần này trang bị thêm phương pháp xử lý về các

sai sót, thay đổi chính sách, ước tính kế toán và các sự kiện phát sinh sau kỳ báo cáo theo chuẩn mực quốc tế đã ban hành.

7.4.6 Học phần Kế toán tài chính 1

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức những loại hình (mô hình) kế toán trên thế giới *(Kế toán trên cơ sở tiền mặt, kế toán dồn tích, kế toán động, kế toán tĩnh, kế toán vì mục đích thuế, kế toán hiện tại hóa)*, các nguyên tắc kế toán cơ bản, các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS/IFRS) về tài sản, doanh thu, chi phí và báo cáo tài chính và sự vận dụng trong thực tiễn các doanh nghiệp.

7.4.7 Học phần Kế toán quản trị

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về kế toán quản trị đương đại thông qua các chủ đề như: kế toán quản trị chiến lược; ra quyết định dựa trên cơ sở chi phí; nguồn lực và phân bổ nguồn lực; định giá bán sản phẩm; hệ thống chi phí trên cơ sở hoạt động; xác định chi phí theo phương pháp chi phí mục tiêu và phương pháp Kaizen, xác định chi phí theo chu kỳ sống; đánh giá thành quả hoạt động của doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu xong học phần này, học viên vận dụng kiến thức về kế toán quản trị để giải quyết các tình huống thực tế phát sinh tại các doanh nghiệp trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, đồng thời có khả năng phân tích, tổng hợp dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.

7.4 .8 Học phần Kiểm toán

Học phần Kiểm toán cung cấp những kiến thức mở rộng, sâu về kiểm toán và dịch vụ đảm bảo; kiểm toán báo cáo tài chính; kiểm toán hoạt động; đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của kiểm toán viên và công ty kiểm toán; kiểm toán công nghệ thông tin và các vấn đề kiểm toán đương đại. Sau khi nghiên cứu học phần, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về kiểm toán để tư vấn chuyên sâu về lĩnh vực kiểm toán, bao gồm cả những vấn đề kiểm toán đương đại; người học ứng dụng được các công nghệ và công cụ kiểm toán hiện đại trong công việc.

7.4.9 Học phần Phân tích báo cáo tài chính

Học phần này dựa trên nền tảng lý thuyết phân tích báo cáo tài chính, giới thiệu những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp như: nội dung phân tích báo cáo tài chính và nguyên tắc kế toán ảnh hưởng đến phân tích báo cáo tài chính, báo cáo tài chính trong môi trường kinh doanh toàn cầu, phân tích tổng quan tình hình tài chính của doanh nghiệp như: phân tích cấu trúc tài chính, phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán, phân tích hiệu quả kinh doanh, phân tích rủi ro kinh doanh và dự báo tài chính. Bên cạnh đó, học viên vận dụng giải quyết các tình huống thực tế để có thể đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính

qua đó sẽ thấy được những tiềm năng của doanh nghiệp và khắc phục được những hạn chế nhằm cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp ra quyết định.

7.4.10 Học phần Kế toán tài chính 2

Học phần kế toán tài chính 2 cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về kế toán đầu tư tài chính, hợp nhất kinh doanh và lập báo cáo tài chính hợp nhất tại các tập đoàn, tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con từ đó vận dụng nguyên lý chung về kế toán tài chính 2 để phản biện thông tin kinh tế tài chính để lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp trong bối cảnh hội nhập.

7.4 .11 Học phần Kiểm soát nội bộ

Học phần kiểm soát nội bộ cung cấp kiến thức cơ bản và hiện đại về kiểm soát nội bộ trên các nội dung chủ yếu: Tổng quan về KSNB, vai trò của KSNB; mối quan hệ giữa KSNB với quản trị công ty; các khuôn mẫu KSNB phổ biến trên thế giới: theo khuôn mẫu COSO, COBIT (USA), COCO (Canada),.... và vận dụng nguyên lý chung về KSNB để phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin và tư vấn thiết kế quy trình, thủ tục KSNB đối với một số chu trình chủ yếu trong doanh nghiệp trong bối cảnh gia tăng rủi ro từ môi trường kinh doanh và rủi ro trong nội bộ tổ chức.

7.4.12 Học phần Kế toán thuế

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về kế toán thuế như: Kế toán thuế giá trị gia tăng, kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán thuế thu nhập cá nhân.... Đặc biệt môn học đi sâu vào các nội dung của kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp liên hệ với việc vận dụng các chuẩn mực liên quan.

7.4.13 Học phần Kế toán công

Học phần kế toán công trang bị cho học viên những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về cách thức quản lý ngân sách Nhà Nước và tài chính công tại Việt Nam, chế độ kế toán công Việt Nam. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp những nguyên tắc, yêu cầu, phương pháp cơ bản của chuẩn mực kế toán công quốc tế đã, đang và sẽ làm nền tảng cho các chính sách về tài chính và kế toán công tại Việt Nam.

7.4.14 Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh thuộc khối kiến thức chung cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, vai trò của nghiên cứu khoa học đối với đời sống kinh tế xã hội, các bước tiến hành một nghiên cứu khoa học và các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, học phần còn cung cấp một số kiến thức cơ bản trong nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng trong đời sống kinh tế xã hội nói chung và trong ngành quản trị kinh doanh nói riêng.

7.4.15 Học phần Kinh tế học ứng dụng

Thuộc khối kiên thức chung, học phần kinh tế học ứng dụng cung cấp những kiến thức lý thuyết từ cơ bản đến nâng cao về thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố sản xuất, độc quyền, tăng trưởng - phát triển kinh tế, chính sách kinh tế vĩ mô, nguyên tắc ra quyết định của nhà quản trị, nhà hoạch định chính sách và cách thức vận dụng chúng trong đời sống thực tế.

7.4.16 Học phần Quản trị dự án

Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng căn bản về dự án và quản trị dự án, bao gồm các vấn đề như: Lựa chọn dự án đầu tư; Thiết kế tổ chức bộ máy thực hiện dự án; Quản trị thực hiện dự án (bao gồm việc lập kế hoạch, ước tính ngân sách, lập tiến độ dự án, phân bổ nguồn lực; quá trình giám sát, kiểm soát thực hiện dự án); Đánh giá rủi ro dự án và kết thúc dự án.

7.4.17 Học phần Quản trị tài chính doanh nghiệp

Môn học trang bị cho học viên các vấn đề về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài tài chính doanh nghiệp. Các vấn đề tài chính doanh nghiệp bao gồm: Quản lý tài sản, quản lý nguồn vốn, quản lý doanh thu - chi phí - lợi nhuận, phân tích tài chính doanh nghiệp. Các vấn đề quản trị tài chính bao gồm sáp nhập và hợp nhất doanh nghiệp, định giá doanh nghiệp khi sáp nhập và hợp nhất, quyết định đầu tư, quyết định quản trị tài chính doanh nghiệp trong điều kiện rủi ro.

7.4.18 Học phần Quản lý tài chính công

Cung cấp cho học viên những kiến thức nân cao về tài chính công cả trên khía cạnh lý luận cũng như kinh nghiêm thực tiễn. Học phần giúp học viên kinh tế nhận thức được cơ sở và cơ chế khai thác - sử dụng nguồn tài chính công và vận dụng vào công việc của mình có hiệu quả phục vụ sự phát triển kinh tế đất nước.

7.4.19 Học phần Quản trị doanh nghiệp

Môn học giúp cho học viên ngành kế toán có những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến các hoạt động tác nghiệp của doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập. Môn học gồm các chuyên đề chính như sau:

+ Trách nhiệm xã hội và văn doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế;
+ Quản trị chiến lược trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế;
+ Quản trị nhân sự trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế;
+ Quản trị bán hàng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

7.4.20 Học phần Triết học

Học phần cung cấp cho các học viên cao học những quan điểm, lý luận triết học trong lịch sử nhân loại, trong đó trọng tâm là lý luận triết học Mác - Lênin về các vấn đề: Khái luận chung về triết học, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, triết học về con người. Trên cơ sở đó, cung cấp cho người học thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để lý giải và giải quyết những

vấn đề lý luận và thực tiễn cuộc sống (của mỗi con người, của dân tộc và thời đại) đang đặt ra.

7.4.21 Học phần Pháp luật về kinh doanh

Pháp luật về kinh doanh là môn học khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh, như các chế độ pháp lý điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý của chủ thể kinh doanh; Hoạt động mua bán hàng hóa; Dịch vụ trung gian thương mại; Xúc tiến thương mại; Đấu giá hàng hóa; Chế tài trong thương mại làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành tài chính ngân hàng, luật kế toán,…

7.4.22 Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế xã hội. Đặc biết trong nền kinh tế thế giới đang trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay.

7.4.23 Học phần Thực tập tốt nghiệp

Học phần Thực tập giúp người học áp dụng kiến thức trong lĩnh vực kế toán đã được học vào thực tế doanh nghiệp. Người học được hướng dẫn phương pháp tiếp cận, phân tích và đánh giá được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp với các tình huống đa dạng trong thực tiễn; Người học thực hiện đánh giá sơ bộ về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó khai thác các khía cạnh chiều sâu về một số phần hành kế toán trọng yếu tại doanh nghiệp.

7.4.24 Học phần Đề án tốt nghiệp

Học phần Đề án tốt nghiệp trang bị cho người học có năng lực nhận diện, phát hiện những vấn đề còn có những bất cập, tồn tại trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại doanh nghiệp. Thông qua Đề án tốt nghiệp, có thể đánh giá năng lực của người học trong việc ứng dụng những kiến thực thuộc chuyên ngành kế toán để giải quyết, đánh giá những vấn đề mang tính thực tiễn hoặc mang tính học thuật; Đồng thời học phần cũng giúp người học phát triển kĩ năng trình bày văn bản và báo cáo khoa học.

8. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20..

KT HIỆU TRƯỞNG **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**	**P/TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
Phạm Văn Bổng	Trương Thanh Hằng

PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Các văn bản pháp lý

- Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của BGD&ĐT 2016;

- Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;

- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

II. Khung chương trình các trường đại học khác:

- Trường Đại học Thương mại

- Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (http://due.udn.vn/vi-vn/ths_ketoan/cid/4158)